

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự Do – Hạnh Phúc

CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM	
CÔNG	Số: 470 ngày: 28/9/2019
VĂN	CHUYÊN
ĐẾN	Lãnh đạo CC: <i>[Handwritten Signature]</i>
	Phòng: <i>[Handwritten Signature]</i>
	Sao: <i>[Handwritten Signature]</i>

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 29/NML/2019

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân, tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH TM và XNK Nguyệt Minh Lâm.

Địa chỉ: Số 19 Phố Khâm Thiên, Phường Khâm Thiên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 0856633336

Fax:

E-mail:

Mã số doanh nghiệp: 0107472012.

Địa chỉ sản xuất: Chi nhánh Công ty TNHH TM và XNK Nguyệt Minh Lâm tại Hưng Yên

Địa chỉ: Thôn Ngọc Loan, xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Chứng nhận ISO 22000:2018 hệ thống quản lý an toàn thực phẩm, số chứng nhận: AQP-40020.1, ngày cấp phép 25/07/2019.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: RUỘT CHANH LEO NGÂM SIRO ĐƯỜNG

2. Thành phần: Ruột chanh leo tươi (> 90%), siro đường.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 06 tháng (kể từ ngày sản xuất).

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

4.1. Quy cách đóng gói:

300g/hộp, 400g/hộp, 500g/hộp, 1kg/hộp, 1.2kg/hộp, 1.5kg/hộp, 2kg/hộp... và khối lượng khác theo yêu cầu của khách hàng.

4.2. Chất liệu bao bì:

Can/hộp nhựa đựng thực phẩm HDPE, PA/PP/PE, Mat OPP/MCPP, Metalize, thùng carton phù hợp vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm



- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm
- QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm
- QCVN 12-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm
- Thông tư số 50/2016/TT-BYT ban hành ngày 30/12/2016: Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm
- Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BYT ngày 15/6/2015: Thông tư hướng dẫn việc quản lý phụ gia thực phẩm.
- Quyết định 46/2017/QĐ-BYT Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 17 tháng 09 năm 2019

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Trương Thị Loanh Huyền



Sở Công Thương Hà Nội	TIÊU CHUẨN CƠ SỞ	SỐ TC: 24/NML/2019
Công Ty TNHH TM và XNK Nguyệt Minh Lâm	RUỘT CHANH LEO NGÂM SIRO ĐƯỜNG	Có hiệu lực từ ngày 10/09/2019

Tiêu chuẩn này áp dụng cho sản phẩm Ruột chanh leo ngâm siro đường

1. Yêu cầu kỹ thuật:

1.1. Các chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: Sản phẩm dạng lỏng có lẫn thịt quả và hạt
- Màu sắc: Màu vàng chanh xen lẫn màu đen của hạt chanh leo
- Mùi vị: Vị chua, mùi thơm đặc trưng

1.2. Các chỉ tiêu chất lượng chủ yếu

1.3. Các chỉ tiêu vi sinh vật:

Áp dụng theo QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm và quyết định 46/2007/QĐ-BYT về ban hành “Quy định tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm”

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	Giới hạn bởi G.A.P
2	<i>Coliforms</i>	CFU/g	10
3	<i>E.coli</i>	CFU/g	Giới hạn bởi G.A.P
4	<i>S.aureus</i>	CFU/g	Giới hạn bởi G.A.P
5	<i>Cl.perfringens</i>	CFU/g	Giới hạn bởi G.A.P
6	<i>Salmonella</i>	CFU/g	Không có

1.4. Hàm lượng kim loại nặng

Áp dụng theo QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Chì (Pb)	mg/kg	0.1
2	Asen (As)	mg/kg	1.0
3	Cadmi (Cd)	mg/kg	1.0
4	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0.05

1.5. Hàm lượng hóa chất không mong muốn (hóa chất bảo vệ thực vật, hóa chất khác).

Áp dụng theo thông tư số 50/2016/TT-BYT ban hành ngày 30/12/2016: Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tebuconazole	mg/kg	0.1

2. Thành phần nguyên liệu:

Thành phần nguyên liệu: Ruột chanh leo tươi (> 90%), siro đường.

3. Thời hạn sử dụng: 06 tháng (kể từ ngày sản xuất)

- Ngày sản xuất: In trên bao bì.

4. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản

4.1. Hướng dẫn sử dụng: Dùng để pha chế.

4.2. Bảo quản: Bảo quản lạnh đông

5. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì

5.1. Quy cách đóng gói: 300g/hộp, 400g/hộp, 500g/hộp, 1kg/hộp, 1.2kg/hộp, 1.5kg/hộp, 2kg/hộp... và khối lượng khác theo yêu cầu của khách hàng.

5.2. Chất liệu bao bì: Can/hộp nhựa đựng thực phẩm HDPE, PA/PP/PE, Mat OPP/MCPP, Metalize, thùng carton phù hợp vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

6. Quy trình sản xuất: (xem phụ lục – kèm thuyết minh chi tiết).

7. Các biện pháp phân biệt thật, giả (nếu có).

8. Nội dung ghi nhãn (hoặc nhãn đang lưu hành): Theo mẫu đính kèm

9. Xuất xứ và thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa

- Tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH TM và XNK Nguyệt Minh Lâm

Địa chỉ: Số 19 phố Khâm Thiên, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0856633336

Xuất xứ: Việt Nam

Hà Nội, ngày 10 tháng 09 năm 2019 *Thanh*

TR ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên chức vụ, đóng dấu)

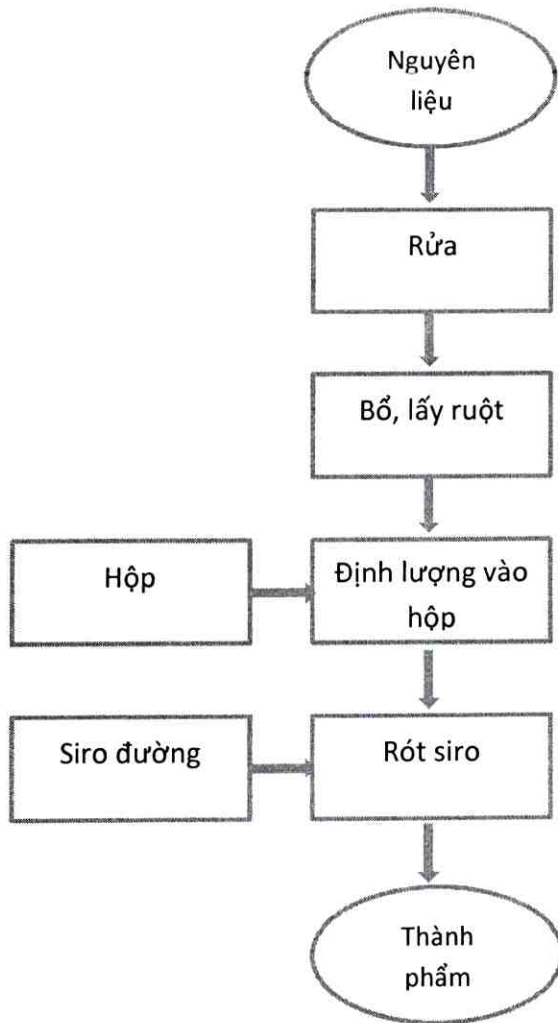


GIÁM ĐỐC

Trương Thị Thanh Huyền



Quy trình sản xuất Ruột chanh leo ngâm siro đường



7472
CÔNG
NHIỆM
1 VÀ
ỆT MI
A -

Thu

Thuyết minh quy trình sản xuất Ruột chanh leo ngâm siro đường

1. Nguyên liệu:

Hoa quả được chọn lựa đạt chất lượng, loại bỏ các quả hư hỏng không đạt tiêu chuẩn

2. Rửa:

Nguyên liệu được rửa sạch với nước

3. Bỏ, lấy ruột:

Hoa quả được xử lý cơ học, lấy phần ruột quả.

4. Định lượng vào hộp:

Nguyên liệu được cân theo đúng công thức vào các hộp

5. Rót siro:

Siro đường được định lượng theo đúng công thức và rót vào các hộp có sẵn ruột chanh leo

6. Thành phẩm:

Thành phẩm được bảo quản ở nhiệt độ đông lạnh.



CÔNG TY TNHH TM VÀ XNK NGUYỆT MINH LÂM.

Mẫu nhãn dự kiến

RUỘT CHANH LEO NGÂM SIRO ĐƯỜNG

Thành phần chính: Ruột chanh leo tươi (>90%), siro đường.

Cách sử dụng và bảo quản:

Cách dùng: Dùng để pha đồ uống

Bảo quản: Bảo quản lạnh đông

Ngày sản xuất: / /

Hạn sử dụng: 6 tháng kể từ ngày sản xuất

Sản phẩm của: Công ty TNHH TM VÀ XNK NGUYỆT MINH LÂM

Địa chỉ trụ sở chính: Số 19 phố Khâm Thiên, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, Tp.Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ sản xuất: Chi nhánh công ty TNHH TM và XNK Nguyệt Minh Lâm tại Hưng Yên

Địa chỉ: Thôn Ngọc Loan, xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Số điện thoại: 0856633336

Xuất xứ: Việt Nam

Khối lượng tịnh:



GIÁM ĐỐC

Trương Thị Thanh Huyền

[Handwritten signature]



Số/No: 2019/1864/TN4

Trang/Page: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

1. Tên mẫu thử/Name of sample:

Ruột chanh leo ngâm siro đường

2. Khách hàng/Customer:

Công ty TNHH TM và XNK Nguyệt Minh Lâm

Địa chỉ: Số 19, phố Khâm Thiên, p.Khâm Thiên, q.Đống Đa, tp Hà Nội, Việt Nam

(Nguyet Minh Lam TM and XNK company limited)

No.19, Kham Thien street, Kham Thien ward, Dong Da district, Ha Noi city, Viet Nam.)

3. Số lượng mẫu/Quantity:

02 lọ/ 02 bottles

4. Ngày nhận mẫu/Date of receiving:

13/08/2019

5. Tình trạng mẫu/Status of sample:

Mẫu đựng trong lọ kín/ Same in closed bottle

6. Thời gian thử nghiệm/Test duration:

Từ ngày/From: 13/08/2019 đến ngày/To: 04/09/2019

STT Item	Tên chỉ tiêu Specifications	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
1.	Tổng số vi khuẩn hiếu khí, CFU/g (*) Total aerobic bacteria	ISO 4833-1:2013	< 1,0 x 10 ¹
2.	Coliforms, MPN/g (*)	ISO 4831:2006	Không có/ nil
3.	E.coli, MPN/g (*)	ISO 7251:2005	Không có/ nil
4.	Tổng số nấm men, mốc, CFU/g (*) Total yeast and mold	ISO 21527-1,2:2008	< 1,0 x 10 ¹
5.	Cl. perfringens, CFU/g (*)	ISO 7937:2004	Không có/ nil
6.	S.aureus, MPN/g (*)	ISO 6888-3:2003	Không có/ nil
7.	B.cereus, MPN/g (*)	TCVN 7903:2008	Không có/ nil
8.	Salmonella, /25g (*)	ISO 6579-1:2017	Không phát hiện / Not detected
9.	Hàm lượng chì, mg/kg Lead content	AOAC 2015.01	< 0,03
10.	Hàm lượng asen, mg/kg Asen content	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0,01) Not detected
11.	Hàm lượng cadimi, mg/kg Cadimi content	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0,01) Not detected
12.	Hàm lượng thủy ngân, mg/kg Mercury content	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0,01) Not detected
13.	Hàm lượng Tebuconazole, µg/kg Tebuconazole content	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=20)

Ghi chú: (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS

Hà Nội, ngày 04 tháng 09 năm 2019

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
THỬ NGHIỆM THỰC PHẨM/Chief of lab No 4

Đỗ Văn Thích

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG HAI BÀ TRUNG
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÓNG VÀ BẢN CHÍNH
 Số chứng thực: 415/MS/MS Q.Đ.Đ. SGT/BS
 Ngày: 16-09-2019

PHÓ GIÁM ĐỐC/ Director
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
 PHÓ GIÁM ĐỐC
 Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test results is value only for samples taken by customer.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.